

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MỚI HUY ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MỚI HUY ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY ANH NEW TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUY ANH NEWTECH ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107821094

**3. Ngày thành lập:** 25/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 15B Xa La, tổ 11, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917835086

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4932        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659(Chính) |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4931        |
| 6.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2750        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3314        |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3313        |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                       | 3320 |
| 10. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                             | 3900 |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                               | 4322 |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                | 4933 |
| 14. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kiểm toán năng lượng<br>Dịch vụ chuyển giao công nghệ<br>Chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường | 7490 |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                            | 4652 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                          | 8299 |
| 17. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                          | 8532 |
| 18. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                | 2710 |
| 19. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                      | 2513 |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4741 |
| 21. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4742 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                 | 4610 |
| 23. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                    | 3312 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                 | 4649 |
| 26. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                             | 2740 |
| 27. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                       | 2733 |
| 28. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                | 7120 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ TÁT THẮNG | Thôn Ngắm Lương, Xã Lăng Ngâm, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 5,000     | 125412940                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                              | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN HUY CẤP | Khu Đào Đặng, Xã Trung Nghĩa, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    | 145093517                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                              | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐỖ THỊ LOAN  | 1711-19T3 chung cư thu nhập thấp, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 135.000    | 1.350.000.000         | 45,000    | 027186000363                                                                                |         |
|     |              |                                                                                              | Tổng số           | 135.000    | 1.350.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ THỊ LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/04/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027186000363

Ngày cấp: 29/09/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1711-19T3 chung cư thu nhập thấp, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1711-19T3 chung cư thu nhập thấp, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội